

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		5,987,977,882,769	5,379,674,473,946
I. Tiền	110	V.01	944,046,326,085	111,047,910,533
1. Tiền	111		19,046,326,085	39,047,910,533
2. Các khoản tương đương tiền	112		925,000,000,000	72,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1,072,644,330,069	653,200,339,664
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		516,129,669,474	231,405,679,664
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		646,736,758,185	472,822,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(90,222,097,590)	(51,027,340,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	1,470,467,998,967	1,697,044,022,899
1. Phải thu khách hàng	131		793,602,174,728	235,694,397,211
2. Trả trước cho người bán	132		190,361,353,227	826,702,414,610
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		486,537,052,162	634,685,128,478
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(32,581,150)	(37,917,400)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	2,435,273,350,473	2,759,976,072,920
1. Hàng tồn kho	141		2,435,273,350,473	2,759,976,072,920
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	65,545,877,175	158,406,127,930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		877,248,979	904,581,205
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,421,897,942	5,126,524,071
3. Các khoản thuế phải thu	154		9,010,621,193	312,627,259
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		44,236,109,061	152,062,395,395
B. Tài sản dài hạn	200		1,653,751,179,635	1,036,476,744,323
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27,996,347,708	56,890,557,960
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	25,365,761,323	12,724,016,609
- Nguyên giá	222		30,229,147,488	24,790,529,696
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,863,386,165)	(12,066,513,087)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.07	1,796,079,191	2,290,502,087
- Nguyên giá	225		3,203,776,716	3,203,776,716
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,407,697,525)	(913,274,629)
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	834,507,194	925,453,983
- Nguyên giá	228		2,229,911,839	1,931,985,492
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,395,404,645)	(1,006,531,509)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	40,950,585,281
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	1,492,375,539,908	940,151,250,423
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		414,157,563,898	245,440,937,078
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,081,925,976,010	710,225,154,345
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		(3,708,000,000)	(15,514,841,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	116,403,943,407	7,085,632,568
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		114,027,574,807	3,284,030,315
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	28,162,153
3. Tài sản dài hạn khác	268		2,376,368,600	3,773,440,100
VI. Lợi thế thương mại	269	V.11	16,975,348,612	32,349,303,372
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7,641,729,062,404	6,416,151,218,269

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		5,401,923,812,604	4,947,405,773,742
I. Nợ ngắn hạn	310		3,083,334,250,023	3,369,566,785,077
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	1,313,422,411,966	1,164,743,983,522
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	638,566,153,395	151,816,211,890
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	731,549,216,091	46,592,156,608
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	139,792,065,084	25,390,930,940
5. Phải trả công nhân viên	315	V.15	6,048,949,970	6,440,195,778
6. Chi phí phải trả	316	V.16	63,519,727,646	32,409,951,493
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	171,966,856,059	1,922,618,479,940
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18,468,869,812	19,554,874,906
II. Nợ dài hạn	330		2,318,589,562,581	1,577,838,988,665
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,162,680,765	263,379,900
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	2,317,400,700,000	1,577,533,053,965
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		26,181,816	42,554,800
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.19	2,236,856,791,202	1,442,901,693,161
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		2,236,856,791,202	1,442,901,693,161
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	568,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		738,277,284,332	703,850,001,000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		66,096,753	11,004,700
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,725,000,000	47,140,118
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		19,667,194,652	12,255,675,168
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	11,064,677,000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		475,121,215,465	147,673,195,175
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		2,948,458,598	25,843,751,366
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7,641,729,062,404	6,416,151,218,269

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	-	-
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính		

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 10 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính: VND

CT	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1 Doanh thu bán hàng	1		192,683,040,872	20,683,256,964	1,173,984,955,461	108,867,263,413
2 Các khoản giảm trừ	3		-	13,760,000	-	2,568,000
3 Doanh thu thuần	10	VI.22	192,683,040,872	20,669,496,964	1,173,984,955,461	108,864,695,413
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.23	114,870,668,676	14,650,179,849	1,064,891,028,452	51,296,409,426
5 Lợi nhuận gộp	20		77,812,372,196	6,019,317,115	109,093,927,009	57,568,285,987
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	47,577,117,846	145,351,471,996	1,298,417,047,866	212,826,334,018
7 Chi phí tài chính	22	VI.25	357,529,253,020	130,553,246,552	477,107,062,644	98,043,182,261
- Trong đó: lãi vay	23		141,304,412,811	137,374,465,769	176,011,535,031	137,374,465,769
8 Chi phí bán hàng	24	VI.26	23,767,651,306	9,920,479,291	51,145,573,945	30,397,716,884
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.27	21,920,717,465	15,957,847,945	76,585,609,583	62,852,276,114
10 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / (lỗ)	30		(277,828,131,749)	(5,060,784,677)	802,672,728,703	79,101,444,746
11 Thu nhập khác	31	VI.28	222,310,622,250	12,912,297,874	228,917,484,728	14,499,304,415
12 Chi phí khác	32	VI.29	10,533,164,520	19,173,395,117	365,724,523,983	26,196,488,382
13 Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		211,777,457,730	(6,261,097,243)	(136,807,039,255)	(11,697,183,967)
14 Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên do	45		(6,141,479,032)	(7,853,937,079)	1,919,036,374	8,690,936,921
15 Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(72,192,153,051)	(19,175,818,999)	667,784,725,822	76,095,197,700
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,376,272,651	-	173,070,193,240	22,561,634,932
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	11,933,117
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(74,568,425,702)	(19,175,818,999)	494,714,532,582	53,521,629,651
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho						
19 Cổ đông thiểu số	61		(89,497,243)	698,666,393	(1,081,468,730)	491,351,640
20 Cổ đông Công ty mẹ	62		(74,478,928,459)	(19,874,485,392)	495,796,001,312	53,030,278,011
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70					

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP. HCM, ngày 10 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD			-	-
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		809,020,858,268	381,967,505,457
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,455,614,200,746)	(630,242,627,706)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(37,699,983,691)	(29,391,066,718)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(102,384,579,090)	(104,964,514,276)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(147,478,479,072)	4,380,744,248
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,605,303,771,749	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2,240,250,789,704)	(12,176,103,394)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(569,103,402,286)	(390,426,062,389)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21		(23,609,205,742)	(1,488,068,339)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(375,800,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(305,226,720,218)	402,435,424,443
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,691,838,551,293	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	9,799,117,843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,363,002,625,333	34,946,473,947
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		418,968,000,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		(660,222,222)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3,539,258,937,039	2,813,807,745,471
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,918,467,522,312)	(2,421,535,378,849)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39,099,192,505	392,272,366,622
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		832,998,415,552	36,792,778,180
Tiền tồn đầu kỳ	60		111,047,910,533	74,255,132,353
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70		944,046,326,085	111,047,910,533
33				

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, Ngày 10 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÀO OÁC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
THUYẾT MINH BAÒU CAÒU TẠO CHÍNH HỘP NHAÁT

Cho Quỹ tạo chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo hiến pháp nước Việt Nam, ngoài trừ trường hợp có ghi chú bằng văn bản khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002210 ngày 29/3/2004, và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 ngày 02/02/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 0303315400

Tổng vốn điều lệ của Công ty:

1.000.000.000.000 VND

2. Tên giao dịch, trụ sở

Công ty có tên giao dịch quốc tế là:

Trụ sở của Công ty đặt tại 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất

4. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Tư vấn bất động sản (trừ các dịch vụ mang tính chất pháp lý). Quản lý bất động sản. Đầu tư xây dựng – kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Xây dựng công trình dân dụng, kỹ thuật. Trang trí nội thất. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình)./. Bổ sung: Tư vấn đấu thầu. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng. Bổ sung: Dịch vụ bán đấu giá tài sản. Bổ sung: Mua bán kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất công – nông nghiệp. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa. Dịch vụ tiếp thị. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở). Đào tạo dạy nghề. Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí (không hoạt động tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán thiết bị ngành in. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Bổ sung: Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học. Giáo dục bậc trung học cơ sở. Giáo dục bậc trung học phổ thông. Bổ sung: Mua bán ô tô. Dịch vụ sửa chữa bảo hành ô tô (không gia công cơ khí, xi ăm điện tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị ô tô. Lập dự án đầu tư. Thẩm tra dự án đầu tư. Quản lý dự án đầu tư. Bổ sung: Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

5. Tổng số các Công ty con: 13 Công ty.

6. Tổng số các Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty.

7. Danh sách các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN NÀO OÁC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
THUYẾT MINH BÀU CÀO TÀI CHÍNH HỐI NHAÁT

Cho Quỹ tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo biểu bảng theo Việt Nam, ngoài trừ trừợng hối cò ghi chuò biểu bảng tiền khấu)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Tổng vốn điều lệ (đồng)
Công ty CP Năng lượng Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Thương mại Dịch vụ	51%	51%	100.000.000.000
Công ty CP Du lịch Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Xây dựng Dịch vụ Thương mại	60%	60%	50.000.000.000
Công ty TNHH Mộc Thương Tín	177 – 179 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, HCM	Sản xuất Thương mại Dịch vụ	70%	70%	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV KD Dịch Vụ Địa Ốc SGTT	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Dịch vụ	100%	100%	6.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý Tư vấn Bất động sản Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Dịch vụ	100%	100%	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Tín 7	Số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ	100%	100%	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Tín 4	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Thương mại Dịch vụ	100%	100%	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Tín 9	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Xây dựng Kinh doanh Dịch vụ	100%	100%	30.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Xây dựng Dịch vụ Thương mại	80%	80%	24.000.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý và KD Sân Golf Thương Tín Đà Lạt	42 Nguyễn Chí Thanh, P. 1, Đà Lạt, Lâm Đồng	Dịch vụ Thương mại Sản xuất	100%	100%	50.000.000.000
Công ty TNHH MTV SXKD VLXD Thương Tín	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Kinh doanh	100%	100%	20.000.000.000
Công ty CP Sài Gòn Thương Tín - Thủ Đức	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Xây dựng Dịch vụ Thương mại	90%	90%	225.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Sài Gòn Thương Tín	Số 201A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Kinh doanh	100%	100%	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÀO OÁC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo hiến pháp nước Việt Nam, ngoài trừ trường hợp hợp cụ thể của pháp luật khác)

Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Tổng vốn điều lệ (đồng)
Công ty CP ĐT BĐS SGT Tân Thắng	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Tp. HCM	Xây dựng Dịch vụ	30%	30%	1.070.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Dũng Anh	Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Kinh doanh	25%	25%	320.000.000.000
Công ty TNHH TK – XD Toàn Thịnh Phát	Số 262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q3, HCM	Sản xuất Thương mại Dịch vụ	35%	35%	50.000.000.000
Công ty CP Thẩm Định Giá Thương Tín	Số 27 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, TP.HCM.	Dịch vụ	20%	20%	5.000.000.000

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho từng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÀO OÁC SÀI GÒN THƯỜNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo hiến chương công ty Việt Nam, ngoài trừ trường hợp có ghi chú công ty khác)

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả cũng được ghi nhận theo giá trị sổ sách tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỷ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN NÀO OÁC SÀI GÒN THƯỜNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo hiến chương công ty Việt Nam, ngoài trừ trường hợp hợp cụ thể của công ty khác)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm các chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án kinh doanh bất động sản.

Hàng hóa bất động sản: Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà hoặc nhà và quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng mua để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định thuê tài chính: Là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê. Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Khấu hao tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN NÀO OÁC SÀI GÒN THƯỜNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo hiến chương công ty Việt Nam, ngoài trừ trường hợp có ghi chú riêng khác)

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình, thuê tài chính được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	02 – 06 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Thiết bị quản lý	02 – 10 năm
TSCĐ khác	02 – 03 năm
Phần mềm kế toán	06 – 08 năm

10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm. Bất lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 3 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí sửa chữa văn phòng.
- Lãi vay liên quan đến việc đầu tư xây dựng các dự án

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: chưa được trích lập.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu niêm yết.

14. Ghi nhận thu nhập và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÀO OÁC SÀI GÒN THƯỜNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo hệ thống kế toán Việt Nam, ngoài trừ điều chỉnh hợp cụ thể bằng bảng điều chỉnh)

c) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

d) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

e) Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

15. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Kh khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

16. Tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương căn bản quy định trong hợp đồng lao động như sau: bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 16% và 6

CÔNG TY CỔ PHẦN NÀO OÁC SÀI GÒN THƯỜNG TÍN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo hệ thống kế toán Việt Nam, ngoài trừ trừu tượng hợp cụ ghi chú hệ thống tiền khác)

% từ lương nhân viên; bảo hiểm y tế phải nộp gồm 3% trích vào chi phí và 1,5% từ lương nhân viên; bảo hiểm thất nghiệp trích 1% vào phí và 1% từ lương nhân viên.

17. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng dự án hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

1. Tiền	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt	843,680,517	1,108,949,790
Tiền gửi ngân hàng (*)	18,202,645,568	37,938,960,743
Cộng	925,000,000,000	72,000,000,000
	944,046,326,085	111,047,910,533

(*) Bao gồm:	USD	Tương đương VND
Tiền gửi bằng Việt Nam đồng	-	17,780,148,038
Tiền gửi bằng USD	21,667.00	422,497,530
Cộng	21,667.00	18,202,645,568

(**) Bao gồm:	
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng	925,000,000,000
Cộng	925,000,000,000

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (2.1)	516,129,669,474	231,405,679,664
Đầu tư ngắn hạn khác (2.2)	646,736,758,185	472,822,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (2.3)	(90,222,097,590)	(51,027,340,000)
Cộng	1,072,644,330,069	653,200,339,664

(2.1) Bao gồm:	Số lượng cổ phiếu	Giá mua/CP	Trị giá đầu tư	Dự phòng giảm giá (2.3)
LSS	40,650	14,590	593,091,793	-
STB	25,738,010	19,197	494,097,215,711	(90,222,097,590)
HBB	642,820	31,921	20,519,750,000	
TKC	54,700	16,812	919,611,970	
Cộng chứng khoán ngắn hạn			516,129,669,474	(90,222,097,590)

(2.2) Bao gồm:

Các khoản góp vốn đầu tư nền đất, góp vốn xây dựng; quyền thuê căn hộ; quyền sở hữu nhà ở

47,829,868,891

Cho vay ngắn hạn đến các công ty và cá nhân

598,906,889,294

Cộng**646,736,758,185**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Phải thu khách hàng	793,602,174,728	235,694,397,211
Trả trước người bán	190,361,353,227	826,702,414,610
Phải thu khác (*)	486,537,052,162	634,685,128,478
Cộng	1,470,500,580,117	1,697,081,940,299
<i>Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(32,581,150)</i>	<i>(37,917,400)</i>
Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	1,470,467,998,967	1,697,044,022,899

(*) Phải thu khác bao gồm:**31/12/2010**

Ứng vốn đến các cá nhân khác (không lãi suất)	200,000,000,000
Phải thu liên quan đến việc góp vốn hợp tác kinh doanh	60,426,231,376
Ứng vốn hợp tác Dự án Tân Thắng	26,380,837,532
Phải thu lãi cho vay	21,356,342,953
Phải thu từ Công ty CP XD-TV-ĐT Bình Dương liên quan đến biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư dự án khu dân cư - dịch vụ Tân Bình - Dĩ An - Bình Dương	81,089,445,600
Phải thu từ việc ứng vốn đầu tư bất động sản	93,400,000,000
Các khoản phải thu khác	3,884,194,701

Cộng**486,537,052,162**

4. Hàng tồn kho	31/12/2010	01/01/2010
Công cụ dụng cụ	-	26,755,948
Chi phí SXKD dở dang (*)	1,970,755,260,782	2,644,356,724,904
Hàng hóa bất động sản (**)	464,518,089,691	115,592,592,068
Cộng	2,435,273,350,473	2,759,976,072,920
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	2,435,273,350,473	2,759,976,072,920

4. Hàng tồn kho (tiếp theo)**(*) Chi phí SXKD dở dang bao gồm:****31/12/2010**

Chi phí đền bù, lãi vay vốn hóa, giải phóng mặt bằng và triển khai việc xây dựng các dự án	1,970,755,260,782
Chi phí lãi vay đã được vốn hóa liên quan đến việc đầu tư xây dựng dự án	-
Chi phí khác	-

Cộng**1,970,755,260,782****(**) Hàng hóa bất động sản bao gồm****31/12/2010**

Dự án Belleza	285,848,599,958
Các sản phẩm lẻ	16,500,000,000
Giá trị quyền sử dụng đất và lệ phí trước bạ, phí công chứng khu đất Mỹ Phước 3	34,400,591,005
Giá trị đất và lệ phí trước bạ đất Dĩ An, Bình Dương	109,258,388,319
Dự án Thịnh Vượng	18,510,510,409
Cộng	464,518,089,691

5. Tài sản ngắn hạn khác**31/12/2010****01/01/2010**

Chi phí trả trước ngắn hạn	5.1	877,248,979	904,581,205
----------------------------	-----	-------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế GTGT được khấu trừ

11,421,897,942

5,126,524,071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Các khoản thuế phải thu		9,010,621,193	312,627,259
Tài sản ngắn hạn khác	5.2	44,236,109,061	152,062,395,395
Cộng		65,545,877,175	158,406,127,930

5.1 Bao gồm:

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	723,093,807
Chi phí bảo hiểm, thuê kho, thuê đất trả trước	154,155,172
Cộng	877,248,979

5.2 Tài sản ngắn hạn khác bao gồm:

Tài sản thiếu chờ xử lý	-
Các khoản tạm ứng	42,281,299,483
Các khoản đặt cọc thuê văn phòng	1,944,689,578
Đặt cọc khác	10,120,000
Cộng	44,236,109,061

6. Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: ngàn đồng*

	Nhà cửa, VKT	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Đầu năm	9,509,979	1,300,919	4,293,022	8,603,651	1,082,958	24,790,530
Cuối kỳ	20,000,000	815,094	3,051,291	6,362,763	-	30,229,147
Hao mòn lũy kế						
Đầu năm	5,684,498	670,126	1,124,602	3,625,819	961,467	12,066,511
Cuối kỳ	713,889	611,285	1,111,105	2,427,108	-	4,863,386
Giá trị còn lại						
Đầu năm	3,825,481	630,793	3,168,421	4,977,832	121,492	12,724,019
Cuối kỳ	19,286,111	203,809	1,940,186	3,935,655	-	25,365,761

7. Tài sản cố định thuê tài chính (Phương tiện vận tải)

Nguyên giá	Số tiền
Số dư đầu kỳ	3,203,776,716
Số dư cuối kỳ	3,203,776,716

Hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	913,274,629
Tăng	494,422,896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2,290,502,087
Số dư cuối kỳ	1,796,079,191

8. Tài sản cố định vô hình

	QSDD	PMVT	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	-	1,931,985,492	1,931,985,492
Số dư cuối kỳ	-	2,229,911,839	2,229,911,839
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	1,006,531,509	1,006,531,509
Số dư cuối kỳ	-	1,395,404,645	1,395,404,645
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	925,453,983	925,453,983
Số dư cuối kỳ	-	834,507,194	834,507,194

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2010	01/01/2010
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	9.1	414,157,563,898	245,440,937,078
Đầu tư dài hạn khác	9.2	1,081,925,976,010	710,225,154,345
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	9.2.2	(3,708,000,000)	(15,514,841,000)
Cộng		1,492,375,539,908	940,151,250,423

9.1 Chi tiết các khoản đầu tư thành lập các công ty liên doanh, liên kết

Tên các công ty liên doanh, liên kết	Vốn điều lệ đăng ký	Tỷ lệ sở hữu	Vốn phải góp	Vốn đã góp đến 31/12/2010
Công ty CP Địa ốc Dũng Anh	320,000,000,000	25%	80,000,000,000	22,800,000,000
Công ty CP Thẩm định giá Thương Tín	5,000,000,000	20%	1,000,000,000	1,000,000,157
Công ty Tân Thắng	1,070,000,000,000	30%	321,000,000,000	375,401,700,008
Công ty TNHH MTV KT XD Toàn Thịnh Phát (*)	50,000,000,000	35%	17,500,000,000	21,000,000,000
Cộng	1,445,000,000,000		419,500,000,000	420,201,700,165

Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh.

Cộng **(6,044,136,267)****9.2 Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác**

9.2.1 Tên các công ty góp vốn thành lập:	Vốn điều lệ đăng ký	Tỷ lệ sở hữu	Vốn phải góp	Vốn đã góp đến 31/12/2010
Công ty CP Địa ốc Thanh Đa	1,000,000,000,000	14%	140,000,000,000	56,600,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

9.2.2 Tên các khoản đầu tư mua cổ phần	Số lượng	Mệnh giá	Đơn giá tồn bq	Trị giá đầu tư	Trị giá dự phòng
Công ty CP Kho bãi Bình tây	10,374	100,000	284,076	2,947,000,000	(*)
Công ty Đầu tư Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn	25,373	100,000	132,706	3,367,140,000	(*)
Công ty CP Serrano VN	432,000	10,000	24,370	10,528,000,000	(608,000,000)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An Idicc	950,000	10,000	15,467	20,108,200,000	(200,000,000)
Công ty CP KT và QL KCN Đặng Huỳnh	295,000	10,000	10,000	2,950,000,000	
Công ty CP May Tiến Phát	90,000	100,000	166,772	15,009,492,687	
Công ty CP Thương Tín Bảo Gia	6,000,000	10,000	10,000	60,000,000,000	
Công ty Đầu Tư Xây Dựng Hùng Anh	3,000,000	10,000	11,225	33,676,357,143	
Công ty CP ĐT SGTT	5,625,000	10,000	26,179	147,255,286,355	
Công ty CP Thành Thành Công	5,400,000	10,000	30,000	162,000,000,000	
Tổng Cty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	100,000	10,000	70,000	7,000,000,000	(2,900,000,000)
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)	22,499	10,000	100,000	2,249,900,000	-
Cộng				467,091,376,185	(3,708,000,000)

(*): Do không có cơ sở để xác định một cách chắc chắn giá trị hợp lý (giá thị trường), theo đó Công ty chưa thể trích lập dự phòng giảm giá vào ngày 30/6/2010 đối với các khoản đầu tư này.

9.3.3 Tên các khoản đầu tư hợp tác kinh doanh	Nội dung hợp tác	Tỷ lệ hợp tác	Vốn đã góp đến 31/12/2010
Công ty XD Công trình 547	Góp vốn để xây dựng CSHT dự án ĐTXD Khu đô thị Cienco 5 tại Vĩnh Phúc.	18 lô	1,620,000,000
Công ty DV Công ích Quận 4	Theo bảng ghi nhớ hợp tác, hai Bên cùng đầu tư - XD - KD dự án Khu nhà ở Vĩnh Khánh tại Quận 4, TP.HCM.		2,500,000,000
Công ty DV Công ích Quận 4	Hợp tác cùng đầu tư kinh doanh dự án Khu nhà ở Phú Mỹ tại Quận 7, TP.HCM.	50%	314,630,675,346
Công ty DV Công ích Quận 4	Hợp tác đầu tư xây dựng dự án tọa lạc tại số 229 Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4, TP. HCM	50%	45,444,373,681
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lilama SHB	Góp vốn đầu tư phần móng cho dự án 584 Lilama SHB Building	20%	5,316,423,000
Công ty CP Tàu Quốc			70,139,333,432
Công ty TNHH SXKD Hai Thành TP.HCM.	Hợp tác cùng đầu tư kinh doanh dự án 6 Đơn Nguyên Chung cư D1-12 tầng tại Quận 8,	50%	118,583,794,366
Cộng			558,234,599,825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Tổng cộng trị giá các khoản đầu tư dài hạn khác****1,081,925,976,010**

10. Tài sản dài hạn khác		31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước dài hạn	(*)	114,027,574,807	3,284,030,315
Tài sản thuế TN hoãn lại		-	28,162,153
Tài sản dài hạn khác	(**)	2,376,368,600	3,773,440,100
Cộng		116,403,943,407	7,085,632,568

(*) Chi phí trả trước bao gồm:

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	718,611,306
Chi phí sửa chữa văn phòng, sửa chữa xe chờ phân bổ	2,514,165,256
Chi phí liên quan đến dự án Phú Mỹ	29,326,878,061
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền thuê lại kho 40 năm lô 7+8 KCN Sóng Thần	81,467,920,184
Cộng	114,027,574,807

()** Bao gồm các khoản đặt cọc thuê văn phòng làm việc, ký quỹ thẻ taxi.

11. Lợi thế thương mại		31/12/2010	01/01/2010
Lợi thế thương mại phát sinh tại Công ty Cổ phần May Tiến Phát		-	16,349,303,372
Lợi thế thương mại phát sinh tại Công ty CP Sài Gòn Thương Tín Thủ Đức		16,975,348,612	-
Lợi thế thương mại phát sinh tại Công ty TNHH TMDV Duy Hưng		-	16,000,000,000
Cộng		16,975,348,612	32,349,303,372

		31/12/2010	01/01/2010
12. Vay và nợ ngắn hạn	(*)	1,313,422,411,966	1,164,743,983,522

(*) Bao gồm:**11.1 Vay từ các Ngân hàng**

Ngân Hàng	31/12/2010
Sacombank - CN Hưng Đạo	239,874,738,606
Ngân Hàng An Bình - Hậu Giang	229,554,000,000
Cộng	469,428,738,606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Vay từ Sacombank - CN Trần Hưng Đạo theo HĐTD LDLD 1031600139 ngày 12/11/2010 đến 12/11/2011 (lãi vay xác định theo từng lần nhận tiền vay được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ), hạn mức vay 300 tỷ đồng , mục đích vay bổ sung vốn lưu động .

Vay từ Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Hậu Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0709/10/TD/L.9 ngày 20/05/2010 với hạn mức vay là 250 tỷ đồng . Thời gian cấp hạn mức tín dụng là đến hết ngày 17/05/2011 ; Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động . Lãi suất và thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng , lãi suất vay thay đổi 03 tháng 01 lần Tài sản để đảm bảo cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 3/6B - Lương Định Của - P . Bình Khánh - Quận 2 - TP.HCM thuộc sở hữu của bà Triệu Phi Yến ; 4.876.000 cổ phiếu STB do Công ty đứng tên hoặc nhân viên chính thức của Công ty đứng tên (mức cho vay bằng 1,4 lần mệnh giá) theo Phụ lục Hợp đồng cầm cố số 710009.04/09/CC/L.9-02 ngày 17/05/2010; Hợp đồng tiền gửi số 0709/10/TD/L.9 với giá trị là 50 tỷ đồng (đáo hạn 20/05/2011) do ABBank phát hành với số Seri là 42/10/HDTG/DN .

12.2 Vay từ các công ty**31/12/2010**

Công ty Toàn Thịnh Phát	500,000,000,000
Công ty CP KT và QL KCN Đặng Huỳnh	200,000,000,000
Công ty CP Thành Thành Công	100,000,000,000
Cộng	800,000,000,000

Vay công ty Toàn Thịnh Phát theo Hợp Đồng TD số 25TC/HĐTD-TC-2010 lãi suất 0,88% tháng , ngày vay 01/09/2010 ngày đáo hạn 14/05/2011, số tiền vay 500 tỷ.

Vay từ Công ty CP KT và QL KCN Đặng Huỳnh theo hợp đồng vay số 17TC/HĐTD-TC-2010 ngày 20/5/2010, với số tiền vay là 200 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 06 tháng (đáo hạn ngày 20/11/2010) . Hợp đồng này được gia hạn đến ngày 15/05/2011 , lãi suất 16% năm .

Vay từ Công ty Thành Thành Công theo HĐ 31TC/HĐTD-TC-2010 thời hạn vay từ 23/12/2010 đến 23/01/2011 gốc vay 100.000.000.000 , mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay 19,8% năm . Đây là khoản vay tín chấp .

11.3 Vay từ các cá nhân**44,000,000,000**

Vay từ các cá nhân với số dư nợ gốc vay 31/12/2010 là 44.000.000.000 đồng với thời hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Lãi suất vay từ 1%/tháng đến 1,167%/tháng.

12.4 Phần ngắn hạn của khoản nợ thuê tài chính**(6,326,640)****Cộng****(6,326,640)****Tổng cộng vay và nợ ngắn hạn****1,313,422,411,966**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Phải trả người bán	(*)	638,566,153,395	151,816,211,891
Người mua trả trước	(**)	731,549,216,091	46,592,156,608
Cộng		1,370,115,369,486	198,408,368,499

(*): Chủ yếu bao gồm các khoản phải trả liên quan đến việc thực hiện dự án (nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đền bù, giải phóng mặt bằng), thuê văn phòng, ...

(**) Người mua trả trước bao gồm:

Người mua trả tiền trước 260,680,972,002

Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc bán các căn hộ do Công ty làm chủ đầu tư

470,868,244,089

Cộng

731,549,216,091

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

31/12/2010

01/01/2010

Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1,236,586,383
Thuế thu nhập doanh nghiệp	139,792,065,084	23,479,772,944
Thuế thu nhập cá nhân	-	652,909,777
Thuế khác	-	21,661,836
Cộng	139,792,065,084	25,390,930,940

15. Phải trả công nhân viên

31/12/2010

01/01/2010

Lương còn phải trả cho nhân viên	6,048,949,970	6,440,195,778
----------------------------------	----------------------	----------------------

16. Chi phí phải trả

31/12/2010

01/01/2010

Lãi vay còn phải trả	47,794,031,389	19,175,760,171
Lãi vay trái phiếu còn phải trả	15,725,696,257	13,234,191,322
Cộng	63,519,727,646	32,409,951,493

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

31/12/2010

01/01/2010

(*)	171,966,856,059	1,922,618,479,940
-----	------------------------	--------------------------

(*) Bao gồm:

Bảo hiểm xã hội, BHYT, KPCĐ 143,221,453

Nhận ký quỹ, ký cược 85,519,725,431

Thu hộ cá nhân, tổ chức 50,236,213,506

Tiền lãi, cổ tức phải trả 9,384,828,173

Phải trả khác 26,682,867,496

Cộng

171,966,856,059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

18. Vay và nợ dài hạn		31/12/2010	01/01/2010
Vay dài hạn	18.1	617,400,700,000	625,142,134,800
Nợ dài hạn		1,162,680,765	890,919,165
Trái phiếu phát hành	18.2	1,700,000,000,000	951,500,000,000
Cộng		2,318,563,380,765	1,577,533,053,965

18.1 Vay dài hạn

	31/12/2010
Sacombank - CN	
Hưng Đạo	617,400,700,000
Cộng	617,400,700,000

Vay từ Ngân hàng TMCP SGTT - CN Hưng Đạo theo HĐ tín dụng dư nợ giảm dần số LD1012500087 ngày 05/05/2010 với số tiền được vay là 700 tỷ đồng, mục đích vay là thanh toán chi phí chuyển nhượng đất giai đoạn 01 dự án KDC Bắc Rạch Bà Bướm - Quận 07 - TP.HCM

17.2 Nợ từ Trái phiếu phát hành	31/12/2010	01/01/2010
	951,500,000,000	951,500,000,000
Phát hành 650.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu và 250 trái phiếu (1 tỷ đồng/1 trái phiếu) nhằm tài trợ cho dự án Tân Thắng với mức lãi suất từ 9,8%/năm đến 10%/năm. Ngày đáo hạn từ 17/10/2012 đến 10/	900,000,000,000	900,000,000,000
Phát hành 50.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu nhằm tài trợ cho dự án Phú Thuận với mức lãi suất là 10%/năm. Ngày đáo hạn là 31/01/2013.	50,000,000,000	50,000,000,000
Phát hành 1 trái phiếu, mệnh giá 1.500.000.000 đồng/trái phiếu nhằm tài trợ cho dự án Phú Mỹ với mức lãi suất là 8%/8 tháng đối với tổng giá trị là 1.500.000.000 đồng (đáo hạn ngày 06/11/2008) của khách hàng Phạm Thị Lan .	-	1,500,000,000
Phát hành 750 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu (Hợp đồng HĐ 02/2010/HĐMTP-CL) cho Ngân hàng Liên Việt - Chi nhánh Chợ Lớn	750,000,000,000	-
Cộng trái phiếu phát hành (*)	1,700,000,000,000	951,500,000,000

19. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
Vốn đầu tư chủ sở hữu	1,000,000,000,000	568,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	738,277,284,332	703,850,001,000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	66,096,753	11,004,700
Quỹ đầu tư phát triển	3,725,000,000	47,140,118
Quỹ dự phòng tài chính	19,667,194,652	12,255,675,168
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	-	11,064,677,000
Lợi nhuận chưa phân phối	475,121,215,465	147,673,195,175
Cộng	2,236,856,791,202	1,442,901,693,161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 02/02/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng, được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

20. Doanh thu thuần	Quý IV/2009	Quý IV/2010
Doanh thu từ bán hàng hóa		47,458,940,450
Doanh thu xây dựng		
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ		145,224,100,422
Cộng doanh thu	20,683,256,964	192,683,040,872
Các khoản giảm trừ	13,760,000	-
Doanh thu thuần	20,669,496,964	192,683,040,872

21. Giá vốn hàng bán	Quý IV/2009	Quý IV/2010
Giá vốn hàng hóa đã bán		87,669,192,683
Giá vốn dịch vụ		27,201,475,993
Cộng	14,650,179,849	114,870,668,676

22. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý IV/2009	Quý IV/2010
Lãi tiền gửi, lãi cho vay		35,577,117,846
Cổ tức, lợi nhuận được chia		12,000,000,000
Cộng	145,351,471,996	47,577,117,846

23. Chi phí tài chính	Quý IV/2009	Quý IV/2010
Chi phí lãi vay		141,304,412,811
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính		18,279,030,127
Hoàn nhập dự phòng		(12,498,943,320)
Chi phí tài chính khác		210,444,753,402
Coảng	130,553,246,552	357,529,253,020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Chi phí nhân viên	6,400,521,540
Chi phí công cụ dụng cụ	5,725,813
Chi phí hoa hồng môi giới , marketing dự án	8,490,042,906
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	8,871,361,047
Cộng	9,920,479,291
	23,767,651,306

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý IV/2009	Quý IV/2010
Chi phí nhân viên quản lý		10,854,549,970
Chi phí khấu hao TSCĐ		1,421,362,020
Thuế, phí và lệ phí		26,507,063
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền		9,618,298,412
Cộng	15,957,847,945	21,920,717,465

26. Thu nhập khác	Quý IV/2009	Quý IV/2010
Thu lãi chậm nộp và lãi phạt		1,586,869,272
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng		9,885,000,000
Thu từ thanh lý TSCĐ và CCDC		529,519,942
Lãi vay Thương Tín 7		210,002,115,666
Thu nhập khác		307,117,370
Cộng	12,912,297,874	222,310,622,250

27. Chi phí khác	Quý IV/2009	Quý IV/2010
Chi phí lãi phạt hợp đồng		9,094,090,123
Giá trị còn lại của TSCĐ, CCDC thanh lý		473,238,517
Chi phí khác		965,835,880
Coảng	19,173,395,117	10,533,164,520

VII. Thông tin khác**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính**

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên 2009, số 89/2010/QĐ-ĐHCD , Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào tháng 11/2010 .

Baùu cáo tài chính hợp nhất Q4/2010

Trang 26/24

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý Tài chính IV kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngoại sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

TP HCM, ngày 10 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc